

Biểu 01: TIẾN ĐỘ TRỒNG RỪNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
(Tính đến ngày 24/9/2025)

TT	UBND huyện, chủ rừng	Kế hoạch 2025 (ha)	Thực hiện trong tuần (ha)	Lũy kế (ha)	Tỷ lệ %	Phân theo chức năng rừng			Diện tích loài cây đã trồng (ha)											Ghi chú		
						Đặc dụng (ha)	Phòng hộ (ha)	Sản xuất (ha)	Thông	Keo	Giổi	Mắc Ca (trồng trên đất lâm nghiệp)	Sưa	Lõi thọ	Cao su (trồng trên đất lâm nghiệp)	Bời lời	Bạch đàn	Sơn tra	Quế			
1	2	3	4	5	6				7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
I	Xã Đắk Môn	20																				
1	Thôn Rì Mệt	0																				
2	Thôn Rì Năm	0																				
3	Thôn Đắk Xam	0																				
4	Thôn Lanh Tôn	0																				
5	Thôn Kon Boong	0																				
6	Thôn Nủ Bon	0																				
7	Thôn Măng Lon	0																				
8	Thôn Broong Mệt	0																				
9	Thôn Đắk Tun	0																				
10	Thôn Đắk Giắc	0																				
11	Thôn Đắk Nai	0																				
12	Thôn Broong Mỹ	0																				
13	Thôn Nủ Vai	0																				
14	Thôn Đắk Bo	0																				
15	Thôn Đắk Wắc	0																				
16	Thôn Đắk Gô	0																				
17	Thôn Đắk Túc	0																				
18	Thôn Đắk sút	0																				
Tổng cộng		0																				

Ghi chú:

Cột 6=(5:3)*100%

Cột 5 : Diện tích lũy kế tính từ đầu năm 2024 đến thời điểm báo cáo

Đối với các loài cây có nhiều dòng (Thông, Keo, Bạch Đàn,Dầu, Sao...). Đề nghị khi cập nhật ghi rõ tên các dòng đã trồng thực tế trên địa bàn, ví dụ: Thông ba lá, Keo lá tràm, Bạch đàn Cự Vỹ, Dầu rái, Sao xanh...

BIỂU 02: 'BIỂU TỔNG HỢP CÂY PHÂN TÁN NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
(Tính đến ngày 24/9/2025)

TT	Đơn vị	Trồng cây phân tán (cây)				Số lượng cây đã trồng (cây)				Ghi chú
		Kế hoạch 2025	Thực hiện trong tuần	Lũy kế	Tỷ lệ %	Thông	Bạch đàn	Sơn tra		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Xã Đắk Môn	11,000	0	1,550		x				
1	Thôn Rì Mệt		0							
2	Thôn Rì Nầm		0							
3	Thôn Đắk Xam		0							
4	Thôn Lanh Tôn		0	200		x				
5	Thôn Kon Boong		0	100		x				
6	Thôn Nủ Bon		0							
7	Thôn Măng Lon		0							
8	Thôn Broong Mệt		0	100		x				
9	Thôn Đắk Tun		0							
10	Thôn Đắk Giắc		0							
11	Thôn Đắk Nai		0							
12	Thôn Broong Mỹ		0	400		x				
13	Thôn Nủ Vai		0	50		x				
14	Thôn Đắk Bo		0	130		x				
15	Thôn Đắk Wâk		0	200		x				
16	Thôn Đắk Gô		0	150		x				
17	Thôn Đắk Túc		0	100		x				
18	Thôn Đắk sút		0	120		x				
II	Chủ rừng			0						
1	BQL RĐD...			0						
2	BQL RPH....			0						
3	Công ty TNHH MTV LN...			0						
4	Công ty			0						
.....				0						
Tổng cộng			0	1,550						

Ghi chú:

Biểu 03: TIẾN ĐỘ TRỒNG SÂM NGỌC LINH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(Tính đến ngày/.../2025)

STT	UBND huyện, chủ rừng, DN	Diện tích đã trồng tính đến hết năm 2024 (ha)	Kế hoạch 2025 (ha)	Thực hiện trong tuần (ha)	Lũy kế (ha)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng cộng:						
I	UBND huyện (trồng trong dân)						
	Xã....						
	Xã....						
							
II	Doanh nghiệp						
1	Công ty TNHH MTV LN Đắk Tô						
2	Công ty CP Sâm Ngọc Linh Kon Tum						
3	Công ty CP Sâm Ngọc Linh Tu Mơ Rông						
4	Công ty CP Vingin						
5							

Ghi chú:

Cột 6 : Diện tích lũy kế tính từ năm 2024 đến thời điểm báo cáo;

Cột 7 =(6:4)*100%

Biểu 04: TIẾN ĐỘ TRỒNG DƯỠC LIỆU KHÁC NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
 (Tính đến ngày 24/9/2025)

TT	UBND huyện, chủ rừng	Tổng dược liệu khác từ năm 2021-2024		Tổng cộng dược liệu khác																Ghi chú
				KH 2025 (ha)	Thực hiện trong tuần (ha)	Lũy kế (ha)	Tỷ lệ %	Cây dược liệu hàng năm (ha)						Cây dược liệu lâu năm (ha)						
		Đảng sâm	Đương quy					Nghệ vàng	Sả		Tổng cây dược liệu hằng năm	Đinh lăng	Sa nhân	Ngũ vị tử	Sơn tra		Tổng cây dược liệu lâu năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
I	Xã Đăk Môn			20	0	4	0	0	0	0,2	3,8								-	
1	Thôn Rì Mẹt				0	0,1					0,1									
2	Thôn Rì Nầm				0	0,5				0,2	0,3									
3	Thôn Đăk Xam				0	0,1					0,1									
4	Thôn Lanh Tôn				0	0					0									
5	Thôn Kon Boong				0	0,3					0,3									
6	Thôn Nủ Bon				0	0,2					0,2									
7	Thôn Măng Lon				0	0,1					0,1									
8	Thôn Broong Mẹt				0	0					0									
9	Thôn Đăk Tum				0	0,2					0,2									
10	Thôn Đăk Giắc				0	0,2					0,2									
11	Thôn Đăk Nai				0	0,2					0,2									
12	Thôn Broong Mỹ				0	0,1					0,1									
13	Thôn Nủ Vai				0	0,4					0,4									
14	Thôn Đăk Bo				0	0,45					0,45									
15	Thôn Đăk Wâk				0	0,5					0,5									
16	Thôn Đăk Gô				0	0,25					0,25									
17	Thôn Đăk Túc				0	0,1					0,1									
18	Thôn Đăk sút				0	0,3					0,3									
Tổng cộng					0	4	0	0	0	0,2	3,8	0	0							

ihi chú:
 trồng từ năm 2021 đến hết ngày 31/12/2023;
 đầu năm 2024 đến thời điểm báo cáo;
 = (7:5)*100%